TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GL** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số 108/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Huyện GL, ngày 12 tháng 04 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 98/2023/TLST–VHNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GL, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Thái Q, sinh năm 1984;

CMTND/Căn cước công dân số 008084000124; ngày cấp 26/04/2017; nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Nơi cư trú: Căn hộ 2218, Tòa S2.18 khu đô thị V, xã ĐT, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Chị Lưu Thị Anh T, sinh năm 1985;

CMTND/Căn cước công dân số 031185005507; ngày cấp 29/04/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Căn hộ 2218, Tòa S2.18 khu đô thị V, xã ĐT, huyện GL, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu là anh Nguyễn Thái Q và chị Lưu Thị Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 03 quyển số 01/2012 ngày

09/02/2012 tại Uỷ ban nhân dân phường MĐ, quận ĐS, thành phố Hải Phòng, là hôn nhân hợp pháp. Anh Nguyễn Thái Q và chị Lưu Thị Anh T cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2] Anh Nguyễn Thái Q và chị Lưu Thị Anh T cùng yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Toà án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự ngày 04 tháng 04 năm 2023.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự ngày 04 tháng 04 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thái Q và chị Lưu Thị Anh T.

- *Về con chung*:

Anh Nguyễn Thái Q và chị Lưu Thị Anh T cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thái V, sinh ngày 31/08/2012 và cháu Nguyễn Thái Q A, sinh ngày 15/04/2020.

Giao cho chị Lưu Thị Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thái V và cháu Nguyễn Thái Q A kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Nguyễn Thái V, cháu Nguyễn Thái Q A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thái Q có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lưu Thị Anh T là 10,000,000 đồng/tháng (mỗi con chung là 5,000,000 đồng/tháng) kể từ tháng 04/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Thái V, cháu Nguyễn Thái Q A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thái Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung vợ chồng*: Anh Q và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên không xét.

- *Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ)*: Anh Q và chị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị Lưu Thị Anh T phải chịu 150,000 đồng tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 150,000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2020/0073890 ngày 30/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GL. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

Anh Nguyễn Thái Q phải chịu 150,000 đồng tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 150,000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà Anh Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2020/0073889 ngày 30/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GL. Xác nhận Anh Q đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện GL;
- Chi cục THADS huyện GL;
- UBND phường MĐ (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2012, ngày 09/02/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Như Trọng